TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A
THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 13/2018/HNGĐ-ST
Ngày: 06-3-2018
V/v tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn.

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HOÀ XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM

TOÀ ÁN NHÂN DÂN HUYỆN A, THÀNH PHỐ HẢI PHÒNG

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ toạ phiên toà: Ông Lê Văn Tươi

Các Hội thẩm nhân dân:

1. Ông Đỗ Văn Thư

2. Ông Nguyễn Duy Tuân

- Thư ký phiên toà: Bà Nguyễn Thị Hằng - Thư ký Toà án nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A, thành phố Hải Phòng *tham gia phiên toà:* Bà Đặng Thị Thơ – Kiểm sát viên.

Ngày 06 tháng 3 năm 2018, tại trụ sở, Toà án nhân dân huyện A xét xử sơ thẩm công khai vụ án thụ lý số 359/2017/TLST- HNGĐ ngày 30 tháng 10 năm 2017 về tranh chấp ly hôn, nuôi con khi ly hôn theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số 80/2017/QĐXXST-HNGĐ ngày 21 tháng 12 năm 2017 giữa các đương sự:

1. Nguyên đơn: Bà Phạm Thị T, sinh năm 1965; ĐKHKTT: Thôn Đ, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; Trú tại: Thôn T, xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng; có mặt tại phiên tòa.

2. Bị đơn: Ông Hoàng Văn P, sinh năm 1953; Trú tại: thôn Đ, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng; vắng mặt tại phiên tòa.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Trong đơn xin ly hôn, tại các bản tự khai và tại phiên tòa nguyên đơn là bà Phạm Thị T trình bày:

Về quan hệ hôn nhân: Bà và ông Hoàng Văn P kết hôn trên cơ sở tự nguyện có đăng ký kết hôn tại Uỷ ban nhân dân xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng vào năm 2002. Sau khi kết hôn vợ chồng bà sống tại gia đình ông Phong ở thôn Đ, xã H, huyện A, thành phố Hải Phòng. Quá trình chung sống vợ chồng hạnh phúc vui vẻ đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng

không hợp nhau về tính cách, bất đồng về quan điểm sống, ông P uống rượu say xỉn rồi đánh đập mẹ con bà. Do vậy vợ chồng bà thường xuyên xảy ra va chạm và xảy ra xô xát đánh cãi chửi nhau. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình hòa giải nhưng không có kết quả. Do mâu thuẫn căng thẳng nên bà đã về nhà bố mẹ đẻ tại thôn T, xã Đ, huyện A sống từ giữa năm 2017, không ai còn quan tâm và trách nhiệm với nhau nữa. Nay bà xét thấy không còn tình cảm với ông P, mâu thuẫn hai bên đã trầm trọng không thể khắc phục được, vợ chồng không thể chung sống đoàn tụ với nhau, hôn nhân không có hạnh phúc nên bà đề nghị Toà án giải quyết cho bà được ly hôn với anh Hoàng Văn P.

Về con chung: Bà và ông Hoàng Văn P có 02 con chung là Hoàng Thị H1, sinh ngày 23 tháng 3 năm 2003 và Hoàng Thị H2, sinh ngày 29 tháng 9 năm 2008. Khi ly hôn bà đề nghị Tòa án giao hai con chung cho bà trực tiếp nuôi dưỡng, bà không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bà.

Về tài sản chung: Bà và ông Hoàng Văn P tự thỏa thuận phân chia, bà không yêu cầu Tòa án giải quyết.

Về phía bị đơn ông Hoàng Văn P:

Trong quá trình Toà án giải quyết vụ án, Toà án đã nhiều lần tống đạt hợp lệ các văn bản tố tụng cho ông Hoàng Văn P để ông P đến Toà án nhân dân huyện A giải quyết việc bà Phạm Thị T xin ly hôn nhưng ông Phong đều vắng mặt không có lý do.

Tại phiên tòa, Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện A tham gia phiên toà phát biểu ý kiến về việc chấp hành pháp luật tố tụng dân sự của Thẩm phán, Hội đồng xét xử và những người tham gia tố tụng: Quá trình giải quyết vụ án Thẩm phán đã chấp hành đúng quy định tại Điều 48 của Bộ luật Tố tụng Dân sự, Hội đồng xét xử đã thực hiện đúng quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự: Xét xử tập thể, công khai, trình tự thủ tục tiến hành đúng các quy định của Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Đối với nguyên đơn bà Phạm Thị T đã chấp hành các quy định tại Điều 70, Điều 71 Bộ luật Tố tụng Dân sự. Bị đơn là ông Hoàng Văn P đã được Tòa án triệu tập hợp lệ nhưng đều vắng mặt không có lý do, vi phạm các Điều 70, Điều 72 Bộ luật Tố tụng Dân sự.

Quan điểm giải quyết vụ án: Căn cứ vào tài liệu chứng cứ do đương sự cung cấp và do Tòa án thu thập, lời khai của các đương sự tại phiên tòa. Đề nghị Hội đồng xét xử căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015; Các Điều 51,56,81,82 ,83 của Luật Hôn nhân và gia đình năm 2014 chấp nhận yêu cầu của nguyên đơn: Xử cho bà Phạm Thị T được ly hôn với ông Hoàng Văn P; Về con chung: Xử giao hai con chung Hoàng Thị H1, sinh ngày 23 tháng 3 năm 2003 và Hoàng Thị H2, sinh ngày 29 tháng 9 năm 2008 cho bà Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của ông Phong cho bà T. Về tài sản chung: Không xem xét giải quyết. Về án phí: Bà Phạm Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Sau khi nghiên cứu các tài liệu, chứng cứ có trong hồ sơ vụ án được xem xét tại phiên toà, căn cứ kết quả tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định:

[1] Xét về việc vắng mặt của bị đơn ông Hoàng Văn P: Bị đơn là ông Hoàng Văn P đã được Toà án tống đạt các văn bản tố tụng theo đúng thủ tục tố tụng nhưng ông P vẫn cố tình vắng mặt tại Toà án không có lý do nên căn cứ Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Khoản 3 Điều 228 Bộ luật tố tụng dân sự, Hội đồng xét xử tiến hành xét xử vắng mặt ông Hoàng Văn P.

[2] Về quan hệ hôn nhân: Tuy ông Hoàng Văn P không đến Tòa án, không có bản tự khai, không có quan điểm của ông P về việc bà T xin ly hôn nhưng căn cứ vào lời khai của nguyên đơn, chứng cứ do đương sự cung cấp và các chứng cứ do Toà án thu thập đã có đủ cơ sở xác định bà Hoàng Thị T và ông Hoàng Văn P tự nguyện kết hôn và đã làm thủ tục đăng ký kết hôn tại UBND xã Đ, huyện A, thành phố Hải Phòng vào năm 2002. Quá trình chung sống, vợ chồng hòa thuận hạnh phúc đến năm 2009 thì phát sinh mâu thuẫn. Nguyên nhân mâu thuẫn là do vợ chồng tính cách không hòa hợp, bất đồng về quan điểm sống, ông P thường xuyên uống rượu say xỉn rồi đánh đập vợ con nên vợ chồng xảy ra xô xát, cãi vã. Mâu thuẫn đã được hai bên gia đình can thiệp giúp đỡ nhưng hai bên không khắc phục được. Vợ chồng hiện đã sống ly thân, không còn sự quan tâm và trách nhiệm đến nhau nữa. Trong quá trình giải quyết vụ án Tòa án đã nhiều lần báo ông Phong đến để hòa giải tìm cách khắc phục mâu thuẫn giữa bà T và ông P. Tuy nhiên ông P vắng mặt không có lý do, không tham gia phiên hòa giải để hai bên hàn gắn đoàn tụ. Xét thấy mâu thuẫn vợ chồng giữa bà T và ông P đã trầm trọng, đời sống chung không thể kéo dài, mục đích hôn nhân không đạt được. Vì vậy yêu cầu xin ly hôn với ông P mà bà T đưa ra là có căn cứ chấp nhận.

[3] Về con chung: Bà Phạm Thị T và ông Hoàng Văn P có 02 con chung là Hoàng Thị H1, sinh ngày 23 tháng 3 năm 2003 và Hoàng Thị H2, sinh ngày 29 tháng 9 năm 2008. Việc nuôi dưỡng con chung là quyền đồng thời là nghĩa vụ của cha mẹ. Bà T có quan điểm đề nghị Tòa án giao hai con chung Hoàng Thị H và Hoàng Thị H cho bà trực tiếp nuôi dưỡng; bà không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi con chung cho bà. Ông Hoàng Văn Ph không có lời khai, không có mặt tại phiên tòa nên không có quan điểm của ông P về con chung. Xét thấy quan điểm của bà T đưa ra là tự nguyện, phù hợp với nguyện vọng của hai con chung, không trái pháp luật nên chấp nhận giao hai con chung Hoàng Thị H1, sinh ngày 23 tháng 3 năm 2003 và Hoàng Thị H2, sinh ngày 29 tháng 9 năm 2008 cho bà Phạm Thị T trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Thời hạn nuôi con tính từ ngày 07 tháng 3 năm 2018 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi nếu không có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật. Về cấp dưỡng nuôi con chung: Bà T có quan điểm không yêu cầu ông P phải cấp dưỡng nuôi hai con chung cho bà. Xét quan điểm của bà T đưa ra là tự nguyện do vậy, tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của ông Hoàng Văn P cho chị bà Phạm Thị T. Sau này nếu hai bên có tranh chấp về việc nuôi và cấp dưỡng nuôi con chung Tòa án sẽ xem xét giải quyết bằng vụ án dân sự khác

[4] Về tài sản chung: Bà Phạm Thị T có quan điểm bà và ông Hoàng Văn P tự thỏa thuận phân chia, không yêu cầu Tòa án giải quyết. Ông P không có lời khai, vắng mặt tại phiên toà nên không có quan điểm về tài sản do đó Tòa án không xem xét, giải quyết về vấn đề tài sản. Khi các đương sự có yêu cầu, Toà án sẽ xem xét giải quyết việc chia tài sản bằng vụ án dân sự khác.

[5] Về án phí: Bà Phạm Thị T phải nộp án phí ly hôn sơ thẩm theo quy định của pháp luật.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Căn cứ vào các Điều 28, 35, 147, Điểm b Khoản 2 Điều 227 và Điều 228 của Bộ luật Tố tụng Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào Điều 39 Bộ luật Dân sự năm 2015;

Căn cứ vào các Điều 51, 56, 58, 81, 82, 83 Luật hôn nhân và gia đình năm 2014;

Căn cứ vào Điều 6, Khoản 5 Điều 27 Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 quy định về mức thu, miễn, giảm, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án của Quốc hội ban hành ngày 30 tháng 12 năm 2016,

Tuyên xử:

1. Về quan hệ hôn nhân: Chấp nhận yêu cầu xin ly hôn của bà Phạm Thị T. Xử cho bà Phạm Thị T được ly hôn với ông Hoàng Văn P.

2. Về con chung: Xử giao con chung Hoàng Thị H1, sinh ngày 23 tháng 3 năm 2003 và Hoàng Thị H2, sinh ngày 29 tháng 9 năm 2008 cho bà Hoàng Thị T trực tiếp nuôi dưỡng sau ly hôn. Tạm hoãn nghĩa vụ cấp dưỡng nuôi con chung của ông Hoàng Văn P cho bà Phạm Thị T. Khi nào bà T có yêu cầu Tòa án xem xét, giải quyết bằng vụ án dân sự khác. Thời hạn nuôi con tính từ ngày 07 tháng 3 năm 2018 cho đến khi mỗi con chung đủ 18 tuổi nếu không có sự thay đổi khác theo quy định của pháp luật.

Sau khi ly hôn, người không trực tiếp nuôi con chung có quyền, nghĩa vụ thăm nom con mà không ai được cản trở.

3. Về án phí: Bà Phạm Thị T phải nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) án phí ly hôn sơ thẩm để sung quỹ Nhà nước. Bà T đã nộp 300.000đ (Ba trăm nghìn đồng) tiền tạm ứng án phí tại Chi cục Thi hành án huyện A (Biên lai thu tiền số 0007368 ngày 30 tháng 11 năm 2017) nên không phải nộp nữa.

Nguyên đơn có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án.

Bị đơn vắng mặt có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Nơi nhận:
- Đương sự;
- TAND thành phố Hải Phòng;
- VKSND thành phố Hải Phòng;
- VKSND huyện A;
- THADS huyện A;
- UBND xã Đ (nơi ĐKKH);
- Lưu: VT, hồ sơ vụ án.

TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN- CHỦTỌA PHIÊN TÒA

Lê Văn Tươi